

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001410

Trang : 1/2

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1 <i>Phạm Ngọc Hoa</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Thầy Hoàng</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Đỗ Phú Mạnh</i>
--	---------------------------------------	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150003	PHẠM HOÀNG ANH	13/10/2002	CCQ2115A		1	<i>Anh</i>	7,2	9,0	8,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2121150007	VŨ HOÀI BẢO	24/07/2003	CCQ2115A		1	<i>Bảo</i>	5	4,0	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2121150012	BÙI LONG	16/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Long</i>	5,5	7,0	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2121150059	BÙI NGỌC BẢO	08/07/2003	CCQ2115B		1	<i>Bảo</i>	5	3,0	3,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
5	2121150063	HUỲNH MAI NGỌC BẢO	21/03/2003	CCQ2115B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2121150061	NGUYỄN HOÀNG CHUNG	24/03/2001	CCQ2115B		1	<i>Chung</i>	6	5,0	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2121150032	LÊ VĂN CƯỜNG	28/09/2003	CCQ2115A		1	<i>Cường</i>	5	4,0	4,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2121150029	TRƯƠNG CÔNG DIỄN	02/12/2002	CCQ2115A		1	<i>Diễn</i>	6	6,5	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2121150051	LÊ KHÁNH DUY	14/11/2003	CCQ2115B		1	<i>Duy</i>	6,8	8,5	7,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2121150057	TẠ QUANG HẢI	11/10/2002	CCQ2115B		1	<i>Hải</i>	5	8	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2121150046	NGUYỄN CÔNG ĐỨC	25/01/2003	CCQ2115B		1	<i>Đức</i>	4,5	5,5	5,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B		1	<i>Hiệp</i>	6,5	7,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2121150004	NGÔ VĂN HIỆP	26/01/2003	CCQ2115A		1	<i>Hiệp</i>	5	6,0	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2121150008	NGUYỄN VĂN HÒA	20/10/2003	CCQ2115A		1	<i>Hòa</i>	5	5,5	5,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2121150001	MẠC DUY HOÀNG	28/07/2003	CCQ2115A		1	<i>Hoàng</i>	4,8	5,0	5,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2121150009	ĐÀO DUY HUY	28/03/2003	CCQ2115A		1	<i>Huy</i>	9,5	9,5	9,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2121150011	HOÀNG ĐỨC HUY	09/05/2003	CCQ2115A		1	<i>Huy</i>	5	6,0	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2121150058	NGUYỄN QUANG HUY	29/08/2003	CCQ2115B							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2121150035	NGUYỄN QUỐC HUY	28/02/2003	CCQ2115A		1	<i>Quốc</i>	9	9,5	9,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2121150002	VÕ NHẬT HUY	11/10/2003	CCQ2115A		1	<i>Nhật</i>	6,5	7,5	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001410

Trang : 2/2

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: **26**

Số bài thi: **26**

Số tờ giấy thi: **26**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>Thầy Đoàn Huy Hoàng</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phú Nhuận</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150013	NGUYỄN LÊ ĐỨC HƯỚNG	13/12/2003	CCQ2115A		1	<i>Hoàng</i>	6,3	9,0	7,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2121150052	LƯU ĐỨC KHANG	10/06/2003	CCQ2115B		1	<i>Lưu</i>	6	8,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2121150030	LÊ CHÍ KHANH	02/07/2002	CCQ2115A							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2121150036	PHẠM ĐĂNG KHOA	22/07/2003	CCQ2115B		1	<i>Khoa</i>	6,5	8,5	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A		1	<i>Ki</i>	6	6,5	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2121150019	TRƯƠNG ĐÌNH LINH	09/07/2003	CCQ2115A		1	<i>Lin</i>	5	6,0	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2121150040	NGUYỄN THÀNH LỘC	08/05/2003	CCQ2115B							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2121150026	TRẦN BẢO LỢI	03/02/1996	CCQ2115A		1	<i>Phu</i>	10	10	10	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2121150023	TRẦN HÀN SĨ	13/10/2003	CCQ2115A		1	<i>Luân</i>	5	5,5	5,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	2121150005	HOÀNG THỊ THU MAI	13/04/2003	CCQ2115A		1	<i>Ma</i>	7,5	7,0	7,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001411

Trang : 1/2

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **19/04/2022**

Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **22**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Ng Thọ</i>	<i>Bg thi nhân</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Lê Đỗ Phú</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121150034	LÊ HUỖNH CÔNG MẾN	02/10/2003	CCQ2115A		1	<i>Mến</i>	5	6,0	5,6	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	2121150048	PHAN THÀNH NHÂN	18/10/2003	CCQ2115B		1	<i>Thân</i>	5,5	6,5	6,1	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	2121150049	TRẦN DANH NHÂN	27/02/2003	CCQ2115B		1	<i>Nhân</i>	6,3	5,5	5,8	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	2121150006	NGUYỄN VĂN TUẤN NHẬT	12/08/2003	CCQ2115A		1	<i>Nhat</i>	6	6,5	6,3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	2121150022	NGUYỄN THÀNH PHONG	19/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Phong</i>	6,8	6,0	6,3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	2121150031	TRẦN THANH PHÚ	07/03/2003	CCQ2115A							<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	2121150014	TRỊNH HOÀNG PHÚC	24/11/2003	CCQ2115A							<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	2121150037	ĐÀO MINH PHƯỚC	29/06/2002	CCQ2115B		1	<i>Phuoc</i>	5,5	7,0	6,4	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	2121150020	ĐẶNG MINH PHƯƠNG	15/11/2003	CCQ2115A		1	<i>Phuong</i>	5	7,0	6,2	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	2121150016	LÃNG MINH PHƯƠNG	20/01/2003	CCQ2115A		1	<i>Phuong</i>	5	6,5	5,1	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	2121150060	ĐẶNG QUỲNH QUÝ	10/03/2003	CCQ2115B							<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	2121150047	ĐÀO DUY THÁI	24/11/2003	CCQ2115B		1	<i>Thai</i>	5,7	7,0	6,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	2121150027	VŨ NGUYỄN NHẬT THANH	16/12/2000	CCQ2115A							<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	2121150038	VÕ CHIẾN THẮNG	08/04/2003	CCQ2115B		1	<i>Thang</i>	6,5	9,5	8,3	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	2121150045	VÕ QUỐC THẮNG	30/11/2003	CCQ2115B		1	<i>Thang</i>	6,7	8,5	7,8	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
16	2121150042	ĐỖ THÀNH THI	17/07/2002	CCQ2115B		1	<i>Thi</i>	5,5	8,0	7	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
17	2121150025	NGUYỄN NGỌC THIÊN	16/02/2003	CCQ2115A		1	<i>Thien</i>	5,3	5,0	5,1	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
18	2121150033	HUỖNH NGỌC THÔNG	01/05/2002	CCQ2115A							<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
19	2121150021	NGUYỄN KIM TIẾN	15/09/2003	CCQ2115A		1	<i>Tien</i>	5	2,5	3,5	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
20	2121150041	NGUYỄN HỮU TỒN	14/12/2003	CCQ2115B		1	<i>Ton</i>	5,3	8,0	6,9	<i>(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001411

Trang : 2/2

Môn học: **PLC (228047) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **002**

Ngày thi: **19/04/2022**

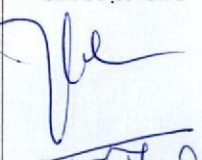
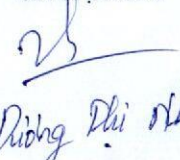
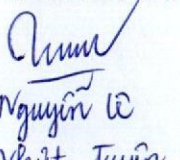
Giờ: **14:45**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **22**

Cán bộ coi thi 1  Ngô Thò	Cán bộ coi thi 2  Đường Thị Nhân	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Văn Nhật Tuyền	G.Viên chấm thi 2  Đỗ Phụng Nga
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121150039	LÊ THANH TRÂM	28/04/2003	CCQ2115B		1		5,5	5,0	5,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121150050	NGUYỄN TRUNG TRÍ	31/12/2003	CCQ2115B		1		7,1	7,5	7,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121150028	PHÙNG NINH ANH	02/11/2003	CCQ2115A		1		7,5	5,5	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121150018	MAI THÁI TUẤN	11/04/2003	CCQ2115A		1		5,5	4,5	5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121150010	NGUYỄN QUỐC VĂN	01/12/2003	CCQ2115A		1		7,5	9,5	8,7	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121150053	TRẦN TRUNG VĨNH	23/05/2003	CCQ2115B		1		6,7	8,0	7,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121150055	PHẠM VĂN VŨ	18/06/2002	CCQ2115B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121150015	TRẦN XUÂN VŨ	27/08/2003	CCQ2115A		1		7,5	8,0	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9